



Số 1 - Tháng 1.2004

GIÁO DỤC QUỐC TẾ

TƯ LIỆU THAM KHẢO

VIỆN NGHIÊN CỨU GIÁO DỤC - ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
115 Hai Bà Trưng, Quận I - TPHCM, ĐT: 8355100 - Fax: 8393883, Email: ciecer@hcm.vnn.vn

LỜI NÓI ĐẦU

Để giúp các nhà nghiên cứu và quản lý giáo dục, các nhà giáo, sinh viên đại học sư phạm có thêm thông tin về tình hình phát triển giáo dục hiện nay ở các nước trên thế giới, bên cạnh “Bản tin giáo dục” (ra mỗi tháng 2 kỳ), bắt đầu từ tháng 1/2002, Viện Nghiên cứu Giáo dục tổ chức biên soạn thêm bản tin **Tư liệu tham khảo “Giáo dục quốc tế”** bao gồm một số bài viết về các vấn đề quan trọng và có tính thời sự đang đặt ra cho giáo dục ở các nước, được trình bày dưới dạng những bài tổng thuật, lược thuật hay dịch từ nguyên tác.

Trung tâm Nghiên cứu & Giao lưu Văn hóa Giáo dục Quốc tế thuộc Viện NCGD là đơn vị được giao thực hiện bản tin này. Chúng tôi mong nhận được sự cộng tác và ý kiến đóng góp của bạn đọc để không ngừng nâng cao chất lượng của bản tin.

Trong số này

1. Giáo dục đại học Châu Âu: Tuyên ngôn Bologna
2. Người Mỹ nghĩ gì về giáo dục đại học?
3. Tổ chức Hội đồng Trường ở các Đại học Mỹ

Tuyên ngôn Bologna

(Với sự tham gia của các Bộ trưởng giáo dục nhóm họp ở Bologna ngày 19 tháng 7 năm 1999)

Lời dẫn: Ngày 25 tháng 5 năm 1998, tại lễ kỉ niệm 800 năm thành lập của đại học Sorbonne, bộ trưởng giáo dục của 4 nước Pháp, Đức, Italy và Anh đã tham dự và cùng thảo luận để đi đến một tuyên bố nhằm thống nhất hệ thống giáo dục đại học ở Châu Âu. Trên cơ sở của tuyên bố Sorbonne, trong hai ngày 18, 19 tháng 7 năm 1999, 29 bộ trưởng bộ giáo dục của các nước châu Âu đã nhóm họp tại Bologna và đưa ra một văn kiện lịch sử “Tuyên ngôn Bologna”, (The Bologna Declaration) được coi là “cuộc cách mạng đại học xáo trộn cả Châu Âu”. Văn bản này đề ra những phương hướng chung cho cả châu Âu để khắc phục những yếu kém và đồng loạt làm một cuộc cải tổ có tính cách mạng sẽ bắt đầu thực hiện từ đầu năm 2004. Sau đây là toàn văn bản tuyên bố.

Tiến trình Châu Âu, nhờ có những thành tựu vượt trội trong vài năm qua, đã trở thành một hiện thực hợp lý, và là một thực thể đang gia tăng trong toàn liên minh và cư dân Châu Âu. Triển vọng mở rộng những mối quan hệ sâu sắc với các nước Châu Âu khác sẽ mang lại một không gian đa chiều rộng lớn cho hiện thực đó. Đồng thời chúng ta cũng đang chứng kiến một nhận thức đang ngày càng được khẳng định ở phần đông giới học thuật và chính trị, trong công luận về sự cần thiết thiết lập một Châu Âu phức hợp hơn và vươn xa hơn, đặc biệt nhờ vào việc xây dựng và củng cố sự hiểu biết

văn hóa, xã hội của mình và nhờ vào lĩnh vực khoa học, công nghệ.

Một Châu Âu của tri thức hiện đã được nhìn nhận một cách rộng rãi như là một nhân tố không thể thay thế cho sự lớn mạnh của con người, của xã hội và như là một bộ phận không thể thiếu được cho sự vững mạnh và giàu có thêm của công dân Châu Âu. Một Châu Âu của tri thức có khả năng cung cấp cho công dân của mình những năng lực cần thiết để đối mặt với những thách thức của thiên niên kỉ mới, năng lực nhận thức về sự sẻ chia những giá trị và sự phụ thuộc vào không gian văn hóa, xã hội chung.

Tầm quan trọng của giáo dục và liên kết giáo dục vì sự phát triển và vững mạnh của những xã hội dân chủ, hòa bình và bền vững được thừa nhận một cách phổ biến như là một nhân tố có ý nghĩa cực kỳ quan trọng, và càng quan trọng hơn với thực trạng của khu vực Đông Nam Châu Âu.

Tuyên bố Sorbonne ngày 25 tháng 5 năm 1998 đã được lập luận một cách vững chắc bởi những nhận thức đó, đã nhấn mạnh vai trò của những trung tâm đại học trong sự phát triển nền văn hóa đa chiều của Châu Âu. Nó làm nổi bật sự sáng tạo của khu vực Châu Âu, của giáo dục đại học như là cách thức chủ yếu để thúc đẩy sự năng động và năng lực làm việc của công dân, thúc đẩy sự phát triển toàn diện của lục địa Châu Âu.

Nhiều quốc gia Châu Âu khác nhau đã chấp nhận lời mời đó để tự cam kết đạt đến những mục tiêu trình bày trong tuyên bố, bằng sự xác nhận nó hoặc biểu hiện sự đồng ý của họ về nguyên tắc. Chiều hướng này đã tạo nên nhiều cải cách giáo dục đại học khác nhau được thực hiện cùng một lúc ở Châu Âu, đã chứng minh sự cương quyết hành động của nhiều chính phủ.

Nhiều tổ chức giáo dục đại học Châu Âu về phần mình, đã chấp nhận những thách thức và đóng vai trò chính trong vấn đề xây dựng khu vực giáo dục đại học Châu Âu, theo những nguyên tắc cơ bản đã được đặt ra ở Bologna Maga Charta Universitatum năm 1988. Điều quan trọng nhất của nguyên tắc này là trao quyền độc lập cho các đại học và đảm bảo sự tự trị để các trường đại học và những hệ thống nghiên cứu có thể đáp ứng được một cách liên tục những nhu cầu thay đổi của xã hội và sự tiến bộ của kiến thức khoa học.

Tiến trình này đã được bắt đầu trong sự hướng dẫn đúng đắn với một mục đích đầy ý nghĩa. Đã có những thành tựu tương ứng lớn hơn và tương đương của hệ thống giáo dục đại học Châu Âu. Nhưng cần phải có lực đẩy nhanh tiến trình để có được một kết quả hoàn hảo trọn vẹn. Chúng ta cần hỗ trợ tiến trình này thông qua việc đẩy mạnh những tiêu chuẩn cụ thể để đạt được những thành tựu kế tiếp một cách rõ ràng và hiển nhiên. Trong cuộc gặp mặt ngày 18 tháng 7 những người tham gia là những chuyên gia đương nhiệm và các học giả đến từ nhiều đất nước, đã đem đến cuộc gặp mặt nhiều đề nghị hữu ích để những sáng kiến này được thực hiện.

Chúng ta phải chú ý đặc biệt đến mục tiêu phát triển sự cạnh tranh quốc tế của

hệ thống đại học Châu Âu. Tiềm lực và sức mạnh của bất cứ một nền văn minh nào đều có thể được đánh giá bởi chính sức lôi cuốn của nó đối với mọi quốc gia khác. Chúng ta cần đảm bảo rằng hệ thống giáo dục đại học Châu Âu có thể giành được một trình độ toàn thế giới, có sức lôi cuốn ngang bằng với nền văn hóa và truyền thống khoa học tuyệt vời của chúng ta.

Trong khi khẳng định sự ủng hộ của chúng ta đối với những nguyên tắc chung đã dự kiến ở tuyên ngôn Sorbonne, chúng ta cam kết có những chính sách cùng phối hợp để trong một kì hạn ngắn, và trong bất kì trường hợp nào của thập kỉ đầu thiên niên kỉ thứ 3, hướng đến sự theo đuổi những mục tiêu được chúng ta xem là thích hợp về cơ bản để thiết lập khu vực giáo dục đại học Châu Âu và đẩy nhanh hệ thống giáo dục đại học Châu Âu trên toàn thế giới:

Chấp nhận chính thức một hệ thống bằng cấp dễ hiểu và tương đương, cũng thông qua việc thực hiện Bằng Bổ túc (Diploma Supplement), nhằm đẩy nhanh năng lực lao động của công dân Châu Âu và sức cạnh tranh quốc tế của hệ thống giáo dục đại học Châu Âu.

Việc chấp nhận chính thức một hệ thống căn bản dựa trên 2 chu trình chính: sinh viên chưa tốt nghiệp đại học và đã tốt nghiệp (undergrade and graduate). Để có thể vào được chu trình thứ 2 sẽ phải hoàn tất thành công chu trình thứ nhất, được kéo dài tối thiểu là 3 năm. Bằng cấp đạt được sau chu trình thứ nhất cũng sẽ thích hợp với thị trường lao động châu Âu như là một cấp bậc phù hợp với khả năng chuyên môn. Chu trình hai sẽ dẫn đến trình độ Master hoặc Doctor như ở nhiều nước Châu Âu.

Thiết lập một hệ thống tín chỉ – ví dụ như hệ thống ECTS – có ý nghĩa thích hợp với việc lan tỏa nhanh nhất sự năng động của sinh viên. Những chứng chỉ này còn có thể đạt được ở bối cảnh ngoài giáo dục đại học (non-higher education contexts – bao gồm việc giáo dục suốt đời và những chương trình liên thông giữa đào tạo nghề và đào tạo đại học).

Đẩy mạnh tính cơ động bằng cách vượt qua những cản trở về sự đi lại và di chuyển tự do với những chú ý đặc biệt dành cho:

* Sinh viên: cho họ những cơ hội học tập, đào tạo và những dịch vụ có liên quan.

* Giáo viên, những nhà nghiên cứu và quản lý: sự công nhận ngang bằng giá trị thời gian của họ dành cho nghiên cứu, giảng dạy, đào tạo trên phạm vi Châu Âu mà không tổn hại đến quyền lợi chính của họ tại trường mà họ làm việc.

Đẩy mạnh việc hợp tác Châu Âu về đảm bảo chất lượng với quan điểm để phát triển những phương pháp học và tiêu chuẩn có thể so sánh được. *Đẩy mạnh những lĩnh vực thiết yếu trong giáo dục đại học Châu Âu đặc biệt liên quan đến sự phát triển chương trình, hợp tác liên thông giữa các viện nghiên cứu, những kế hoạch năng động và*

những chương trình hợp nhất (intergrated programmes) của việc học tập, đào tạo và nghiên cứu.

Bằng mọi cách, chúng ta cam kết để đạt được những mục tiêu đó – trong khuôn khổ khả năng của tổ chức chúng ta và trong khuôn khổ những giá trị phong phú mà chúng ta đang có về văn hóa, ngôn ngữ, hệ thống giáo dục quốc gia và quyền tự trị của các đại học – để hợp nhất GD đại học Châu

Âu. Để đi đến mục tiêu cuối cùng, cần đưa ra những cách thức hợp tác liên chính phủ, cũng như hợp tác giữa các tổ chức phi chính phủ với giáo dục đại học. Chúng ta mong đợi sự hưởng ứng nhanh chóng và tích cực của các trường đại học

để đóng góp cho sự thành công của nỗ lực thống nhất đại học Châu Âu.

Chúng ta tin chắc rằng sự thiết lập khu vực giáo dục đại học Châu Âu đòi hỏi sự ủng hộ không mệt mỏi, sự giám sát và đáp ứng của mọi quốc gia và thành viên. Trong vòng 2 năm chúng ta sẽ gặp lại, để đưa ra những tiến trình có hiệu lực và để cho những bước đi mới được thực hiện.

TS. Hà Bích Liên dịch

Nguồn: Documentatie: Boglogna Process, VVS - Vlaamse Vereniging Van Studenten, Gulden Vlieslaan 17A bus 80, b-1050 Brussel.



NGƯỜI MỸ NGHĨ GÌ VỀ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC?

Vào thời điểm người Mỹ đang lo lắng về phương hướng lãnh đạo quốc gia, nghi ngờ cả chính quyền lẫn quốc hội và bày tỏ rất ít lòng tin vào các trường công lập, thì niềm tin của họ đối với giáo dục đại học Mỹ vẫn đứng vững một cách lạ lùng!

Trong một cuộc khảo sát ý kiến người dân cả nước về giáo dục đại học do một tạp chí chuyên viết biên niên sử tiến hành, có thể thấy người dân Mỹ tỏ ra hài lòng hơn với chất lượng giáo dục của các đại học. Cụ thể là niềm tin của công chúng Mỹ đối với các trường đại học tư đã vượt xa so với niềm tin đối với quân đội Mỹ. Niềm tin đối với các trường cao đẳng hai năm và bốn năm chiếm vị trí thấp hơn, chỉ dưới lực lượng cảnh sát địa phương.

Tuy vậy, người Mỹ không ưa một số hoạt động của các đại học. Họ đặt nghi vấn về ưu quyền của các hiệu trưởng. Những kết quả khảo sát về các trường đại học cho thấy sự hoài nghi cao độ về chính sách ưu tiên trong tuyển sinh, cơ chế bổ nhiệm vĩnh viễn đối với các giáo sư, những hoạt động phong trào, và sự cố thủ không chịu đổi thay của tổ chức đào tạo. Hai phần ba số người tham gia cuộc khảo sát ý kiến cho rằng các trường đại học quá nhấn mạnh đến các hoạt động thể thao, và không nên bảo đảm chỗ làm suốt đời cho các giáo sư có kinh nghiệm. Hơn 60% cho rằng các trường đại học không nên nhận những sinh viên thuộc nhóm thiểu số có điểm số dưới trung bình và kết quả thi thấp hơn các bạn đồng học.

Họ cũng thúc giục các trường đại học tập trung ít hơn vào nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển kinh tế, điều mà các hiệu trưởng thường nhấn mạnh, mà nên tập trung vào những vấn đề cơ bản hơn: giáo dục tổng

quát, giáo dục cho người lớn, vấn đề lãnh đạo và trách nhiệm, vấn đề đào tạo giáo viên. Theo ý họ, nhiệm vụ quan trọng nhất của trường đại học là chuẩn bị nghề nghiệp cho sinh viên.

Kết quả cuộc khảo sát ý kiến cho thấy “bao giờ cũng có những lực lượng ủng hộ giáo dục đại học”, đúng như nhận xét của David Ward, chủ tịch Hội đồng Đại học Mỹ, một tổ chức đại diện cho lợi ích của các trường đại học. Ông nói thêm: “Nhưng các trường cũng có một trách nhiệm trước công chúng là phải xứng đáng với sự ủng hộ đó, bởi vì niềm tin đối với các đại học cũng có thể tuột dốc thảm hại chẳng khác gì đã từng xảy ra đối với tập đoàn Enron vậy!”.

Cuộc khảo sát dựa trên 1000 người tuổi từ 25 đến 65 trên mọi tiểu bang của nước Mỹ trừ Alaska và Hawaii, do George Dehne kết hợp với chuyên viên của tờ Biên Niên Sử tổ chức. Cuộc phỏng vấn qua điện thoại do công ty TMR thực hiện, tư liệu do công ty nghiên cứu và tiếp thị GDA tổng hợp và xử lý. Sai số cho phép của kết quả khảo sát là $\pm 3.1\%$ điểm.

Câu trả lời của những người tham gia cuộc khảo sát được các nhà quản lý đại học, các nhà hoạch định chính sách, và những người khác hiểu và diễn giải như thế nào tùy thuộc rất nhiều vào vị trí của họ. Hiệu trưởng các trường đại học chẳng hạn, thường cho rằng công chúng thiếu hiểu biết về những thứ như cơ chế bổ nhiệm giáo sư, chính sách ưu tiên trong tuyển sinh, hoặc về nghiên cứu khoa học. James F. Barker, hiệu trưởng Trường Đại học Clemson University nói: “Có cả một huyền thoại về những nghiên cứu của chúng tôi. Thỉnh thoảng chúng tôi lại có một khám phá tạo

ra những nhân tố thành công hết sức to lớn, tạo ra nhịp cầu nối giữa phòng thí nghiệm và nhà sản xuất, đưa tới sự ra đời những công ty mới, tạo ra những chỗ làm mới và làm gia tăng thu nhập bình quân của mọi người, tuy vậy đó lại là những thứ khá là ít ý nghĩa đối với công chúng”.

Trong lúc đó, các nhà làm luật và các nhà quan sát cảm thấy kết quả của cuộc khảo sát một lần nữa khẳng định niềm tin của họ về việc các trường đại học đã lạc đường khi sa vào đào tạo giảng viên, sự nắm giữ quyền lực, sự đa dạng về chính kiến trong đội ngũ cán bộ, và đáng lẽ phải chú ý hơn tới những gì mà công chúng mong đợi.

Một nghị sĩ Hạ viện Mỹ ở bang California, ông George Miller đã cười như nắc nẻ khi nghe báo cáo về việc kết quả cuộc khảo sát đã dẫn tới việc các nhà lãnh đạo đại học kết luận rằng các trường đại học có thể thành công hơn nếu giảm bớt sự giám sát của nhà nước. Vị lãnh đạo cao nhất của cơ quan đại diện Ủy Ban Giáo dục và Nguồn Nhân lực của Đảng Dân chủ nói: “Tôi không mua cái thứ lý lẽ đó! Phận sự của chúng ta là cho phép các chương trình tài trợ và cho vay để nắm chắc rằng chúng ta có được những gì tốt nhất trong khả năng của mình”.

Thực ra, phần lớn những gì công chúng cho là có giá trị trong cuộc khảo sát đã bị các nhà lãnh đạo đại học bỏ mặc, Patrick M. Callan, chủ tịch Trung tâm Quốc gia về Giáo dục Đại học và Chính sách Công, nhận định. Chẳng hạn, ba phần năm người Mỹ nghĩ rằng việc xây dựng một chương trình giáo dục tổng quát dựa trên một nền tảng bao quát rộng rãi là hết sức quan trọng đối với các trường đại học, và 63% tin rằng các trường đại học nên giúp trường tiểu học và trung học dạy trẻ tốt hơn. Nếu chúng ta

thử liệt kê danh sách những gì làm giảm giá trị của giáo dục đại học trong một phần tư thế kỷ qua, chắc chắn danh sách đó sẽ bao gồm giáo dục tổng quát, giáo dục người trưởng thành, và đào tạo giáo viên. Phần lớn các trường đại học đã bỏ cuộc đối với giáo dục tổng quát. Trong lúc công chúng rộng rãi đồng ý rằng giáo dục đại học là có giá trị, quan điểm này có thể bị lẫn lộn giữa giá trị thực của đại học và giá trị sản phẩm cơ bản của nó: bằng cấp! Chỉ một nửa số người Mỹ thấy rằng tấm bằng bốn năm đại học là yếu tố cần thiết cho sự thành công trong xã hội. Chủng tộc và tuổi tác cũng có ảnh hưởng tới câu trả lời đối với câu hỏi này. Chẳng hạn, 82% người Mỹ gốc Phi trả lời bằng cấp là một yếu tố cần thiết, trong lúc chỉ 48% người da trắng có câu trả lời tương tự. Số người da đen và người Tây Ban Nha gần bằng nhau (60% và 59%) cũng cho bằng cấp là hết sức thiết yếu, trong lúc chỉ 39% những người sinh trước năm 1940 đồng ý như vậy, so với 62% sinh sau 1970.

Donna E. Shalala, hiệu trưởng Trường Đại học Miami, người từng là thư ký phụ trách phục vụ nhân sự và sức khỏe cho chính quyền Clinton, nhận xét: “ Vấn đề này cho thấy rằng người ta hiểu khái niệm thành công theo những ý nghĩa hết sức khác nhau. Vẫn có một niềm tin rằng sự làm việc cần mẫn và năng động có thể đưa bạn tới một vị trí nhất định”.

KHUYNH HƯỚNG TƯ NHÂN

Theo cuộc khảo sát, tuyệt đại đa số người Mỹ tin rằng chất lượng giáo dục đại học ở tiểu bang của họ ít nhất là tốt, phần lớn người tham gia cuộc khảo sát đánh giá chất lượng đó là rất tốt hoặc cực kỳ chất lượng. Mặc dù các trường cao đẳng cộng đồng được đánh giá thấp hơn, 42% những

người trả lời vẫn nói rằng các trường cao đẳng cộng đồng trong tiểu bang của họ có chất lượng tốt hoặc cực kỳ tốt. Trong số phụ nữ, 49% bày tỏ sự tin cậy tuyệt đối đối với những trường hai năm, con số này ở nam giới là 36%. Trường cao đẳng cộng đồng không còn là một thứ “con ghẻ” mà đang tiến tới chỗ trở thành xu thế chủ đạo trong suy nghĩ của người Mỹ khi họ nghĩ về giáo dục đại học.

Về những trường đại học bốn năm, đại học tư tỏ ra có ưu thế hơn đại học công trong nhiều vấn đề, mặc dù sự thực là 8/10 sinh viên đại học đang học ở một trường công lập. Không chỉ là sự tin cậy nói chung đối với đại học tư cao hơn, mà khi được hỏi là chất lượng giáo dục ở trường công hoặc trường tư nơi nào tốt hơn, 41% người được hỏi đã trả lời là trường tư. 45% trả lời rằng nếu tiền bạc không phải là một cản ngại, họ muốn con mình được theo học ở trường tư hơn.

Các viên chức trong khu vực công đã vạch ra một kế hoạch ưu tiên cho các trường đại học tư trong việc mở rộng giả định rằng chi phí càng lớn thì chất lượng càng cao. “Các trường đại học công từ bản chất của mình phải tạo thuận lợi cho công chúng rộng rãi”, thống đốc bang Kentucky, Paul E. Patton, thành viên Đảng Dân chủ, người đưa giáo dục đại học vào ưu tiên hàng đầu trong chính sách quản lý của mình đã tuyên bố như vậy. “Nhiều trường tư có sự phân biệt đối xử, họ chỉ nhận vào trường những người có năng lực và tận tâm nhất mà thôi”.

Một số ít các nhà lãnh đạo trường đại học công có một hình dung khác về kết quả của cuộc khảo sát. Freeman A. Hrabowski, hiệu trưởng Trường Đại học Maryland chỉ ra rằng 38% những người trả lời trong cuộc khảo sát không nhận thức được sự khác nhau giữa chất lượng của trường công và

trường tư. Nếu thêm vào 13% số người tin rằng trường công có một chất lượng giáo dục tốt hơn, bạn sẽ có một khái niệm rằng hơn nửa số người Mỹ tin rằng trường công tốt hơn, hoặc là chuyện này không thành vấn đề. Điều này cho thấy công chúng nghĩ rằng trường công trường tư gì thì cũng đều là số một.

Vùng miền địa lý cũng đóng một vai trò quan trọng trong cách nhận thức về chất lượng của những người tham gia trả lời trong cuộc khảo sát. Chẳng hạn, ở vùng Đông Bắc, nơi mật độ đại học tư cao nhất nước, 52% người được hỏi nói rằng họ muốn gửi con đến trường tư hơn là trường công, nếu không có vấn đề về tiền bạc. Con số này giảm xuống 42% ở miền Nam và 43% ở miền Tây.

Khi các nhà quản lý trường đại học và những người khác nghiên cứu câu trả lời của những câu hỏi trên, có người đặt vấn đề về ảnh hưởng của các phương tiện truyền thông đại chúng trong việc định hướng ý kiến của công chúng. Frank Newman, cựu chủ tịch Ủy ban Giáo dục Liên bang, nay là giám đốc một dự án nghiên cứu cấp nhà nước tại Đại học Brown về tương lai của giáo dục đại học, đã nhận xét: “Khi báo chí và ti vi nói về đại học tư, họ chỉ nói về các liên đoàn thể thao trình độ cao của các đại học ấy”. Những phương tiện truyền thông cũng góp phần khiến 53% người Mỹ tin rằng ngày nay khó được nhận vào học ở bậc đại học hơn so với cách đây một thập kỷ. Nhiều hiệu trưởng đại học cho là niềm tin này có nguồn gốc từ các báo cáo tin tức hàng năm về việc học sinh theo các lớp luyện thi để nâng cao điểm SAT (scholastic aptitude test) hoặc nhiều gia đình thuê những nhà cố vấn giáo dục để giành được lợi thế trong quá trình nộp đơn xin vào đại học. Newman cho rằng rất nhiều

những báo cáo kiểu như vậy tập trung vào việc học sinh đang ra sức tìm kiếm và xin học ở những trường đại học tư danh tiếng chỉ tuyển vào những người thực sự xuất sắc.

VẤN ĐỀ CHI PHÍ CHO GD ĐẠI HỌC

Trong lúc than phiền về các nhà báo, một phần vì những quan niệm sai của họ về giáo dục đại học, nhiều nhà lãnh đạo đại học đã khiến cho các phương tiện truyền thông tăng thêm uy tín vì những kết quả điều tra đáng ngạc nhiên về chi phí học đại học. Trong những năm cuối của thập kỷ 90, khi Quốc hội thành lập một ủy ban nhằm xem xét sự gia tăng học phí mau lẹ của các trường đại học, một loạt các cuộc khảo sát ý kiến công chúng do các trường đại học tiến hành đã phát hiện rằng người Mỹ trung bình đánh giá quá cao chi phí học đại học và đánh giá quá thấp giá trị của các nguồn trợ giúp tài chính cho sinh viên.

Nhưng theo kết quả khảo sát của Tạp chí Biên niên sử, nhiều người Mỹ xác định học phí tại trường công và trường tư một cách chính xác hơn so với cách đây vài năm. Chẳng hạn, khi được hỏi phải mất bao nhiêu tiền để theo học một trường công, bao gồm cả học phí, ăn ở, nhóm lớn nhất trong những người tham gia cuộc khảo sát ý kiến, 28%, đã trả lời từ 10,000 USD đến 15,000 USD hàng năm. Theo Hội đồng Đại học, năm nay chi phí theo học một trường công trung bình là 12,841 USD. Đối với trường tư, 29% người được hỏi trả lời chi phí đó là từ 20,000 đến 30,000 USD. Trong thực tế, con số đó của năm nay là 27,677 USD.

“Các bậc phụ huynh ngày nay tỏ ra hiểu biết hơn nhiều đối với chi phí học đại học”. Ralph Donnell, chủ tịch văn phòng hướng

dẫn và tư vấn của trường trung học Clarkstown ở West Nyack, N.Y nhận định như vậy. “Do chi phí học đại học khá lớn, các bậc phụ huynh phải bắt đầu kế hoạch dành dụm tiền bạc cho con theo học đại học sớm hơn nhiều so với những người có con theo học đại học cách đây 10 hoặc 20 năm.”

Theo một số chuyên gia, ý kiến về việc ai nên chịu phần lớn nhất trong cái gánh nặng học phí đại học đã được đặt ra cách đây vài thập kỷ. Trong những năm 60, khi Quốc hội xây dựng lần đầu chương trình tài trợ và cho vay trong toàn quốc, và các tiểu bang bắt đầu sử dụng tiền thuế của dân cho các trường đại học công, phần lớn người Mỹ tin rằng nhà nước nên chi trả phần lớn chi phí đại học cho sinh viên.

Theo kết quả khảo sát, ngày nay gần hai phần ba người Mỹ cho rằng sinh viên và gia đình của họ nên chi trả phần lớn chi phí học đại học. Trong lúc nhiều người tham gia trả lời khảo sát muốn chính quyền liên bang và tiểu bang chi tiền nhiều hơn cho giáo dục đại học, chỉ 11% số người cho rằng chính quyền tiểu bang nên chi trả phần lớn chi phí học đại học cho người dân, 17% cho đó là trách nhiệm của nhà nước liên bang.

Một lần nữa, nơi sống của người tham gia cuộc khảo sát ý kiến là một nhân tố có ảnh hưởng tới câu trả lời của họ. Ở vùng Đông Bắc, nhóm đông người nhất, 24%, nói rằng nhà nước liên bang nên gánh chịu những chi phí chủ yếu; ở miền Nam và miền Tây, người ta cho rằng gia đình sinh viên phải trả hầu hết chi phí với tỉ lệ lần lượt là 28% và 31%.

NHỮNG VẤN ĐỀ BỨC XÚC

Sự phê phán nổi cộm nhất trong cuộc khảo sát ý kiến liên quan đến nhận thức

về việc các trường đại học tham gia trò chơi chính trị và tỏ ra ưu ái một cách không công bằng đối với một vài nhóm sinh viên đặc biệt. Hơn nữa số người Mỹ cho rằng các giáo sư đại học Mỹ khá là tự do trong quan điểm chính trị. Khi được hỏi niềm tin của họ so với các giảng viên đại học thì như thế nào, một nửa số người tham gia cuộc khảo sát nói rằng các giáo sư có tư tưởng khá tự do. (khoảng 37% số người tham gia khảo sát tự cho mình là những người bảo thủ). Một số trường đại học quá thiên về một chiều trong khuynh hướng chính trị khiến sinh viên thực sự không có cơ hội nghe được ý kiến của phía đối lập, và điều này làm cho giáo dục trở thành suy yếu.

Nhìn chung, những cuộc khảo sát này về cơ bản ủng hộ mục đích của cơ chế bổ nhiệm giáo sư và những chính sách ưu tiên trong tuyển sinh, nhưng không tán thành với phương cách của các trường đại học nhằm đạt mục tiêu đó. Hơn nữa số người được hỏi đồng ý rằng sự bổ nhiệm biên chế có thể bảo đảm cho tự do học thuật, nhưng rất ít người chấp nhận rằng các giáo sư đại học có kinh nghiệm cần được bảo đảm chỗ làm suốt đời nếu họ không có những hành vi sai trái nghiêm trọng. Những người có thu nhập cao nhất thì ít ủng hộ nhất đối với sự bổ nhiệm biên chế vĩnh viễn. Chỉ 25% số người được khảo sát với thu nhập hàng năm trên 100,000 USD là ủng hộ giữ vững cơ chế bổ nhiệm biên chế, so với 50% những người có thu nhập dưới 25,000 USD một năm có cùng ý kiến.

Robert O'Neil, giáo sư khoa Luật thuộc Đại học Virginia và cựu chủ tịch của Hiệp hội các Giáo sư Đại học Mỹ nói: “Cứ cho rằng cơ chế bổ nhiệm biên chế vĩnh viễn một công việc, một chỗ làm cả đời, là cách tệ hại nhất để biểu đạt sự nắm giữ học vấn đi nữa, thì trong thực tế, nó cũng chẳng hề

là một sự bảo đảm công ăn việc làm tuyệt đối an toàn: mỗi năm, cả tá giảng viên đã được bổ nhiệm vào biên chế vẫn phải ra đi vì các khoa giải thể, vì khó khăn tài chính của nhà trường, vì những lỗi lầm nghiêm trọng chẳng hạn như quấy rối tình dục hoặc đạo văn kẻ khác. Năm ngoái đã có hơn 50 giáo sư trong biên chế bị sa thải vì những lý do như vậy”.

Về những chính sách ưu tiên trong tuyển sinh, bốn phần năm người Mỹ nói rằng điều đó là quan trọng hoặc tối quan trọng trong việc chuẩn bị cho những sinh viên thuộc nhóm thiểu số có thể đạt được những thành công nhất định. Nhưng 64% người tham gia cuộc khảo sát phản đối việc các trường đại học nhận sinh viên thuộc nhóm các dân tộc thiểu số vào trường với điểm số trung bình và điểm thi SAT thấp hơn các ứng viên khác. Chỉ 3% những người da trắng trong số những người tham gia cuộc khảo sát ủng hộ những chính sách ưu tiên về chủng tộc trong tuyển sinh đại học, so với 24% người da đen và 8% người Tây Ban Nha.

Sau khi công bố trường hợp Đại học Michigan trước Tối cao Pháp viện Hoa Kỳ, sự ủng hộ ít ỏi của công chúng đối với chính sách ưu tiên trong tuyển sinh của các trường đại học đã gây ngạc nhiên cho không ít các hiệu trưởng. Nhưng Kermit L.Hall, hiệu trưởng Trường Đại học Utah, người đã từng phê phán sự ủng hộ của giới giáo dục đại học đối với vị trí đi đầu trong các chính sách ưu tiên trong tuyển sinh của Đại học Michigan, cho rằng quyết định của tòa án dù thế nào đi nữa cũng chẳng có ảnh hưởng gì đáng kể đối với đa số các trường đại học mà phần lớn là có rất ít hoặc chẳng hề có một tiêu chuẩn tuyển sinh rõ ràng.

Hall nói: “Thử nhìn vào cuộc khảo sát này mà xem! Công chúng quan niệm rằng cửa vào đại học đáng lẽ phải là một cái cầu thang thích hợp!”. Nói cách khác, có những sinh viên dành cho cao đẳng cộng đồng, những sinh viên khác thì dành cho đại học công lập, và một số nào đó là dành cho các đại học tư tình hoa, những trường danh tiếng và chỉ tuyển vào những người hàng đầu mà thôi. Ông nói thêm: “Các nhà lãnh đạo trường đại học phải thừa nhận rằng có rất ít sự ủng hộ của công chúng về những chính sách ưu tiên trong tuyển sinh của nhà trường, ít hơn họ tưởng rất nhiều”.

Nhưng Ward, chủ tịch Hội đồng Giáo dục Quốc gia Mỹ, quy cho sự ủng hộ ít ỏi này có nguyên nhân từ sự thiếu hiểu biết của công chúng, cụ thể là trong trường hợp Đại học Michigan mà rất nhiều người biết. Người ta biết nhiều những số liệu thống kê về những thuận lợi mà Đại học Michigan đưa ra cho những thí sinh thuộc nhóm thiểu số khi thi vào đại học. Nhưng Ward lưu ý rằng sự trúng tuyển chỉ được đảm bảo sau khi thí sinh đáp ứng được những tiêu chuẩn tuyển sinh tối thiểu của nhà trường, một sự kiện mà công chúng đã không chú ý đến. Ông nói: “Chẳng qua chúng tôi chỉ chưa làm tốt việc giải thích đầy đủ những việc mình làm trong lãnh vực này đó thôi!”.

Mặc dù cuộc khảo sát đã phản ánh một sự ủng hộ rộng rãi của công chúng đối với giáo dục đại học, chỉ một số ít hiệu trưởng đại học và chuyên gia vẫn tin rằng đây là thời vàng son của giáo dục đại học ở Hoa Kỳ. Phần lớn cho rằng những ngày hưng thịnh nhất của giáo dục đại học Mỹ là thuộc về những năm 60, khi Quốc hội thông qua Luật Giáo dục Đại học đầu tiên, tạo điều kiện cho việc thực hiện những chương trình tài trợ và cho vay học phí đối với sinh viên, cũng như chuẩn chi hàng trăm triệu

đô la cho việc xây dựng cơ sở vật chất cho các trường đại học công và thu học phí rất ít đối với những người theo học.

Ngày nay, như cuộc điều tra khảo sát của Tạp chí Biên niên sử cho thấy, phần lớn người Mỹ tin rằng chi phí giáo dục đại học nên do bản thân sinh viên và gia đình gánh chịu. Giáo dục đại học đã chuyển từ chỗ là một sản phẩm công, được bảo trợ bằng ngân sách do tiền thuế của người dân đóng góp đến chỗ là một sản phẩm tư nhân, chủ yếu là do các cá nhân đứng ra bảo trợ.

Ward nói rằng ông hy vọng kết quả tích cực của cuộc khảo sát sẽ thuyết phục được Quốc hội và Tổng thống không can thiệp vào việc xem xét lại Luật Giáo dục Đại học theo thông lệ sẽ đến hạn phải xem xét lại vào cuối năm nay. Các nhà quản lý đại học lo ngại rằng những nhà lập pháp có thể xiết chặt lại trách nhiệm giải trình của họ như trong Điều Luật Không Một Đứa Trẻ Nào Bị Bỏ Lại (No Child Left Behind Act) năm 2001, đang là điều luật chi phối hoạt động của các trường trung học và tiểu học. Nhưng thống đốc bang Kentucky, ông Patton nói rằng kết quả của cuộc khảo sát chỉ nên được nhìn nhận như là một thông số tham khảo, như một ý kiến chứ không phải là bản kế hoạch chi tiết cho những chính sách quốc gia.

“Công chúng chẳng bao giờ hiểu vấn đề một cách sâu sắc như những nhà hoạch định chính sách”- Ông nói. “Phần việc của chúng ta không chỉ là phản ánh ý kiến của công chúng, mà còn là xây dựng các quyết định tốt nhất cho xã hội trên cơ sở những tri thức cụ thể”.

JEFFREY SELINGO

TS. Phạm Thị Ly dịch

Nguồn: The Chronicle of Higher Education; Washington; May 2, 2003

TỔ CHỨC HỘI ĐỒNG TRƯỜNG Ở CÁC ĐẠI HỌC MỸ

Ngày 30/7/2003 Thủ tướng Chính phủ ký quyết định ban hành Điều lệ trường Đại học. Một trong những điều khoản mới của Điều lệ là thành lập Hội đồng Trường ở các trường công lập. Bản tin Tư liệu tham khảo Giáo dục Quốc tế xin giới thiệu bài viết về Hội đồng Trường của các Đại học Mỹ để làm tư liệu tham khảo.

Một tổ chức có chức năng giống như *Hội đồng của Trường đại học*, có thành viên đại diện những thành phần chủ chốt của trường, tồn tại song song với các thiết chế khác như Ban giám hiệu, Hội đồng cổ đông, Hội đồng khoa học, đã có từ lâu ở rất nhiều trường đại học trên thế giới. Vấn đề ở chỗ, tùy theo qui chế tổ chức và hoạt động (còn gọi là *Hiến chương hay Hiến pháp Đại học mà chúng tôi sẽ làm rõ dưới đây*) của từng trường, Hội đồng trường có những chức năng, công việc và quyền hạn không giống nhau khi so sánh Hội đồng trường này với trường khác. Bản chất của đại học là dị biệt trong sự đa dạng để thích ứng. Do vậy, những đặc trưng của Hội đồng trường có khác nhau cũng là điều giải thích được.

Trong tiếng Anh, hai chữ *University* và *Diversity* có hai nhóm từ cuối giống nhau: *versity*. Trong nghĩa La tinh, *versity* là sự đa dạng, cộng đồng. Danh từ: *diversity* là sự đa dạng, tính đa dạng. *University* là tổng hợp, liên kết những đa dạng. Do đó, từ xa xưa, danh từ *đại học* được phương Tây quan niệm như một từ chỉ *cộng đồng thu nhỏ*, liên kết những đa dạng lại với

nhau. Vì thế, đại học ở châu Âu, Bắc Mỹ rất hay tự gọi mình là những cộng đồng. Thí dụ: *Flecher School Community*, *George Washington Community*, hay *Harvard Community*...

Vì quan niệm đại học là một cộng đồng thu nhỏ, có đầy đủ sự đa dạng của xã hội thực bên ngoài, đại học châu Âu từ ngàn năm trước đã có khuynh hướng hình thành bộ máy và quản trị như một *đơn vị tự trị*. Trong ba trăm năm cuối thế kỷ 20, khuynh hướng này ngày càng rõ với sự trưởng thành về tổ chức của các cộng đồng đại học lớn như Harvard (*thành lập năm 1636*), Yale và MIT (*1701*), Columbia, Michigan (*1754*), Dart Mounnth, và UP (*1769*). Tại những đại học này và nhiều đại học khác của Bắc Mỹ, Tây Âu, *quan điểm tự trị và xã hội thu nhỏ khiến bộ máy quản lý đại học được xây dựng mô phỏng bộ máy tổ chức của một nhà nước thực ngoài đời*.

Cần nói rằng cách nghĩ *đại học như xã hội tự trị* trong xã hội lớn là đất nước không phải là sản phẩm chủ quan. Nó có nguồn gốc từ những cơ sở như: 1) Nhận thức rằng đại học là một hệ thống giáo dục cao cấp, thực hiện việc cung ứng nhân lực cho mọi lãnh vực của xã hội, vì thế, nó phải có hệ thống đa dạng và đầy đủ như xã hội, 2) Mô phỏng xã hội bên ngoài để những công dân đang được đào tạo tại trường tập huấn cách sống độc lập trong liên thuộc, cách sống tự chịu trách nhiệm hành vi trước qui chế nhà trường, nhằm tăng cường hiệu quả và tính thích ứng khi họ ra ngoài đời thật, 3) Quản lý kiểu tam quyền: Lập pháp, Hành

pháp, Tư pháp đã được chứng minh qua cả ngàn năm là hiệu quả. Một khi áp dụng mô hình này ở đại học, chắc chắn nó cũng sẽ mang lại hiệu quả.

Vì bộ máy quản lý đại học được xây dựng (*hoặc định hướng xây dựng*) như một **hệ thống nhà nước thu nhỏ**, nó có đầy đủ các cơ quan quản lý chéo giống chính quyền tư sản, **lúc ban đầu**, nó có những thiết chế quản lý như sau:

- Đại diện cho quyền làm chủ có: Hội đồng Cổ đông (*Board of Trustees*)
- Đại diện cho chính quyền có: Ban giám hiệu (*Chancellor, President hoặc Provost*)
- Đại diện cho cơ quan tư vấn chuyên môn có: Hội đồng Khoa học và Đào tạo (*Scientific Board*).

Một số trường vẫn còn giữ hệ thống quản lý này đến nay. Một số trường lớn của châu Âu, Bắc Mỹ đi trước trong suy nghĩ rằng cần phân quyền hơn cho các thiết chế khác để giám sát Hiệu trưởng nhằm bảo đảm cho Hiệu trưởng thực hiện đúng và có hiệu quả chiến lược phát triển trường, cũng như mô phỏng gần hơn nữa bộ máy nhà nước, tiến hành xây dựng một số định chế khác. Với quan niệm rằng, Hội đồng quản trị nhà trường, *cơ quan quản lý và quyền lực cao nhất*, không nên chỉ tập trung những thành viên có tài sản hay vốn góp, mà nên là tổ chức đại diện của mọi thành phần trong cộng đồng như giáo sư, cán bộ hành chính, sinh viên, phụ huynh, người có liên quan đến cộng đồng ở bên ngoài cộng đồng và người chủ sở hữu. Như thế, Hội đồng quản trị mới tập hợp được toàn bộ trí tuệ của cộng đồng hầu có những chiến lược phát triển phản ảnh lợi ích mọi thành viên cộng đồng. Từ cách nghĩ này, nhiều cộng đồng đại học thành lập thêm **Hội**

đồng lập pháp hay giám quản (*Legislative Board*) bên cạnh các thiết chế cũ. Hội đồng này sau đó, ban hành Qui chế nhà trường và xem nó như là Hiến pháp của cộng đồng.

Với cách tổ chức mới này, **về sau**, những cộng đồng đại học lớn như Harvard, GW..., có 3 hệ thống quản lý:

1. Hội đồng giám quản: có vai trò như Quốc hội ngoài đời thật
2. Ban giám hiệu: đóng vai trò hành pháp như Tổng thống
3. Hội đồng cổ đông: đóng vai trò tư pháp như Tòa án tối cao.

Hội đồng khoa học và đào tạo: chỉ đóng vai trò cố vấn chuyên môn cho Hội đồng giám quản và Hiệu trưởng.

Qui chế tổ chức và hoạt động của đại học do Hội đồng giám quản ban hành còn được xem như *Hiến pháp của cộng đồng đại học*, Hiến pháp này có thể được tu chính bởi Hội nghị giám quản toàn trường với tước số biểu quyết thuận từ 2/3 trở lên. *Tên gọi của Hội đồng giám quản ở các đại học Hoa Kỳ khác nhau theo ý thích của từng trường*, vì đại học là những cộng đồng độc lập, tiểu dị đặc thù. Với Đại học George Washington (GW), *Hội đồng giám quản* có tên là **Ban quản trị** (*Faculty Organization*). Theo *qui chế ban hành năm 1960*, tu chính vào những năm 1987, 1990, 1991, 1992, 1996, Ban quản trị của GW có những chức năng sau:

Khoản 2, điều 1 : Ban quản trị GW gồm hai bộ phận: Hội đồng Lập pháp Quản trị (*Faculty Assembly*), và Thượng nghị viện (*Senate*). Hội đồng Lập pháp Quản trị gồm các Giáo sư, Phó giáo sư, Giảng viên chính, Giảng viên... cơ hữu toàn thời gian cùng một số viên chức hành chính nhà trường

như qui định bởi những điều khoản dưới đây. Thượng nghị viện hoạt động như một cơ quan điều hành có đại diện là tất cả mọi thành phần trong cộng đồng. Quyền lực, trách nhiệm và các ưu đãi khác dành cho *Hội đồng Lập pháp* và *Thượng viện* được đưa ra trong Hiến chương của trường (*qui chế*), và những thỏa thuận của Hội đồng Cổ đông.

Khoản 1, điều 2 : Hội đồng Lập pháp Quản trị gồm các giáo sư, phó giáo sư, giảng viên chính, giảng viên các khoa, trường có đào tạo đến các văn bằng quốc gia được bầu chọn, cùng Hiệu trưởng (*President*), Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn, Giám đốc Phòng tài chính, Giám đốc Phòng tuyển sinh, Trưởng phòng đào tạo và những viên chức khác theo qui định dưới đây. Những Phó hiệu trưởng, giáo sư, phó giáo sư...cùng viên chức khác trong trường không được cử vào Hội đồng lập pháp quản trị, có thể tham dự các phiên họp của Hội đồng, nhưng không có quyền tác động đến ý kiến của thành viên Hội đồng, và không có quyền bỏ phiếu.

Khoản 2 điều 2: *Hiệu trưởng là chủ tịch Hội đồng Lập pháp Quản trị.* Phó hiệu trưởng chuyên môn là Phó chủ tịch, Trưởng phòng đào tạo là Thư ký hội đồng.

Khoản 3 điều 2: Hội đồng họp thường kỳ ít nhất một lần mỗi học kỳ trong năm học¹. Những cuộc họp thông thường có thể được triệu tập theo ý kiến của Hiệu trưởng, yêu cầu của Thượng viện, hoặc yêu cầu của từ 20 thành viên hội đồng trở lên.

Những cuộc họp bất thường của Hội đồng có thể được triệu tập bởi Hiệu trưởng hoặc Chủ tịch ủy ban điều hành của Thượng viện, hoặc trong trường hợp Hiệu trưởng vắng mặt, Phó hiệu trưởng phụ trách

chuyên môn có yêu cầu, hay có yêu cầu của từ 15 thành viên Hội đồng trở lên.

Quyết định của Hội đồng được thực hiện thông qua bỏ phiếu toàn thể và những biểu quyết có từ 50% phiếu trở lên có hiệu lực thi hành. Nhưng nếu quyết định của Hội đồng có nội dung bác bỏ, hoặc ngược lại với một quyết định nào đó của Thượng viện, nó cần ít nhất 2/3 số phiếu của toàn thể thành viên tán thành để trở nên có hiệu lực².

Khoản 4, điều 2 qui định chức năng của Hội đồng Lập pháp Quản trị. Trong đó, ý quan trọng nhất là: Hội đồng Lập pháp Quản trị phân công bộ phận xem xét các báo cáo của Hiệu trưởng, của Thượng viện, của tất cả viên chức nhà trường có liên quan đến vụ việc mà họ quan tâm, giám sát các hoạt động điều hành của Hiệu trưởng, của Thượng viện, có quyền xem xét lại các quyết định của Hiệu trưởng, của Thượng viện và đưa ra những kiến nghị điều chỉnh, thu hồi thích hợp cho Hội đồng biểu quyết.

Điều 3 qui định những vấn đề về tổ chức và quyền hạn của Thượng viện nhà trường:

1. Hiệu trưởng nhà trường là thành viên dự thỉnh của Thượng viện, và ông ta chỉ có quyền bỏ phiếu để kết luận vấn đề khi và chỉ khi Thượng viện có tình trạng chia đôi vì mâu thuẫn ý kiến và mỗi bên đều có túc số biểu quyết 50%.³

2. Mọi thành viên nhà trường (*từ sinh viên đến viên chức, giảng viên...*)⁴ đều có quyền tham gia ứng cử vào Thượng viện, ngoại trừ những người trong tình trạng phạm pháp hoặc thành viên ngắn hạn của cộng đồng, chẳng hạn các thực tập sinh, nghiên cứu sinh không cấp văn bằng, khách làm

việc một thời gian trong cộng đồng.... Việc thẩm định tư cách thành viên ứng cử do Hội nghị thượng viện quyết định.

3. Số lượng thành viên của Thượng viện được xác định bởi qui mô từng khoa, đơn vị trong nhà trường. Với trường hợp của GW, Trường Khoa học và Nhân văn Columbian được bầu 9, các trường: Sư phạm và Phát triển con người, Kỹ thuật và Khoa học ứng dụng, Quản trị hành chính và Kinh doanh, Y dược và Khoa học sức khỏe, Trung tâm Luật quốc gia, mỗi đơn vị bầu 3 thành viên. Trường Quan hệ Quốc tế, Trường Đào tạo sau đại học về Khoa học và Nhân văn mỗi đơn vị cử một người⁵. Thành viên được cử vào Thượng viện phải là những giáo sư, phó giáo sư, giảng viên chính, giảng viên, sinh viên toàn thời gian của trường, có nhiệm kỳ làm việc toàn thời gian dài hơn nhiệm kỳ của Khóa thượng viện mình được cử. Tất cả cán bộ quản lý hành chính không tham gia giảng dạy từ cấp Phó hiệu trưởng trở xuống đều không có tư cách tham gia Thượng viện.

Nếu Hội đồng Lập pháp Quản trị có chức năng chính là lập pháp, định ra kỷ cương, luật lệ cho cộng đồng, thì Thượng viện của Hội đồng Đại học có chức năng:

1. Xác định các nguyên tắc và mục tiêu căn bản để tư vấn cho Hiệu trưởng nhà trường về chính sách.

2. Cung cấp cho Hiệu trưởng và Hội đồng cổ đông những khuyến nghị cần thiết về những vấn đề họ quan tâm. Trực tiếp đưa những vấn đề của cộng đồng ra thảo luận khi có sự cố, kết luận sẽ được trình bày bằng văn bản để yêu cầu Hội đồng lập pháp Quản trị, Hội đồng Cổ đông và Hiệu trưởng có chính sách giải quyết phù hợp.

3. Hội đồng Lập pháp Quản trị có thể chuyển giao những vấn đề trong chính sách của trường cho Thượng viện xem xét và đề xuất chính sách. Các khoa, bộ môn, phòng, ban, và mọi cá nhân trong cộng đồng trường đều có thể tiếp xúc với Thượng viện hoặc Nghị sĩ đại diện cho họ, bày tỏ những nội dung liên quan đến trường mà họ quan tâm, nếu những nội dung trên nghiêm túc và hợp hiến (*họ vẫn có thói quen gọi Qui chế đại học là Hiến pháp của cộng đồng đại học*), Thượng nghị sĩ có trách nhiệm đưa ra Ủy ban Điều hành Thượng viện để yêu cầu nghiên cứu và đề nghị giải pháp với Hội đồng Lập pháp Quản trị, Thượng viện, Hiệu trưởng, Hội đồng Cổ đông.

4. Chính sách, ý kiến của Hội đồng Cổ đông, Hiệu trưởng cũng thông qua Thượng viện, đến với các khoa, phòng, ban, cá nhân trong toàn trường để lấy ý kiến, hoặc ban hành.

5. Một quyết định của Hiệu trưởng có thể bị vô hiệu hóa và thu hồi khi tiến trình sau đây xảy ra: 1) Hội đồng Thượng viện được nhóm họp nghe các Thượng nghị sĩ phụ trách mảng việc trình bày một cách thuyết phục rằng quyết định của Hiệu trưởng là không hợp qui chế, không có hiệu quả tốt..., 2) Hội đồng biểu quyết, 3) Kết luận nhất trí của Thượng viện được chuyển cho Hội đồng lập pháp quản trị và Hội đồng cổ đông bằng văn bản, 4) sau một số ngày được qui định trong qui chế, nếu Hội đồng cổ đông không phản đối với tước số áp đảo, nếu Hội đồng lập pháp quản trị không bác bỏ với số phiếu phải hội đủ từ 2/3 thành viên trở lên, lúc đó sẽ có 1 trong hai trường hợp xảy ra. *Trường hợp 1*, số phiếu biểu quyết sẽ được đếm cẩn thận, nếu Hội đồng lập pháp quản trị có

hơn 50% phiếu phản đối kiến nghị rút quyết định của Hiệu trưởng từ Thượng viện (*nhưng chưa đủ đến 2/3 tổng phiếu để bác bỏ*), kiến nghị của Thượng viện được trả về để Thượng viện nghiên cứu và trình lại kết luận. *Trường hợp 2*, nếu phiếu phản đối không đến 50%, nghĩa là hơn 50% phiếu thuận và phiếu trắng, kiến nghị của Thượng viện về việc thu hồi quyết định đã ban hành của Hiệu trưởng có hiệu lực thi hành trong cộng đồng ngay tức khắc. Nghĩa là quyết định bị vô hiệu hóa bằng văn bản của Thượng viện.

Như vậy, điều mà chúng ta thấy rõ ràng là gì? Hội đồng trường tại GW chính là cơ quan lập pháp, là hình ảnh thu nhỏ của **Quốc hội** Hoa Kỳ tại GW. Hiệu trưởng chính là **Tổng thống**. Hội đồng Cổ đông hầu như chỉ đóng vai trò trung gian **tư pháp**, và chỉ có ý kiến tối hậu trong hai vấn đề: mở rộng đầu tư và chọn Hiệu trưởng (*từ giới thiệu của Hội đồng Trường*).

(Ghi chú)

¹ Ngày 21/03/1991, điều khoản này được tu chính lại thành:

Họp thường kỳ ít nhất một lần trong một năm học.

² Nếu nghiên cứu Hiến pháp Hoa Kỳ (17/09/1787), ta sẽ thấy nội dung này mô phỏng theo qui định về tổ chức và hoạt động của Viện dân biểu (Hạ viện) đối với Thượng viện Mỹ.

³ Nội dung này cũng sao chép nguyên từ Hiến pháp Hoa Kỳ.

⁴ Việc cử và bầu cử Thượng nghị sĩ đại diện của sinh viên nhà trường tham gia vào Thượng viện của Đại học GW khi đến nhiệm kỳ diễn ra rất hào hứng và nghiêm túc. Người viết bài này đã tận mắt chứng kiến cuộc vận động bầu cử và tiến trình bầu cử này tại GW, và rất bị ấn tượng về tác phong đại học của họ.

⁵ Do sự biến động của qui mô các trường, đến ngày 21/05/1992 qui chế được Tu chính và số thành viên Thượng viện của từng trường có một số thay đổi: Trường Khoa học và nhân văn Columbian, Trường Luật, Trường đào tạo sau đại học về sư phạm và phát triển con người, Trường kỹ thuật và khoa học ứng dụng, Trường y dược và khoa học sức khỏe, Trường quản trị hành chính và kinh doanh, Trường quan hệ quốc tế Elliott, mỗi trường chỉ bầu bằng nhau.

TS. Lê Vinh Danh

Phó Hiệu trưởng Trường ĐH DL Tôn Đức Thắng

Tư liệu Tham khảo Giáo dục Quốc tế mong nhận được sự cộng tác về bài vở, thông tin và nhận xét góp ý của cán bộ, giáo viên và sinh viên trong trường.

Mọi thư từ, bài vở xin liên lạc :

Trung tâm Nghiên cứu và Giao lưu

Văn hóa Giáo dục Quốc tế

Viện Nghiên cứu Giáo dục (Đại Học Sư Phạm TPHCM)

Địa chỉ : 280 An Dương Vương, Quận 5, TPHCM, Việt Nam

ĐT: 8355100 Fax : 8393883 E-mail : ciecer@hcm.vnn.vn

Website : www.ciecer.org

LƯU HÀNH NỘI BỘ